

Ngành gỗ Việt Nam đối với Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Châu Âu (EVFTA): Cơ hội và thách thức

TS. Hà Công Anh Bảo
Trưởng Đại học Ngoại thương
Th.S. Lê Hằng Mỹ Hạnh
Trưởng Đại học Ngoại thương

Nghiên cứu này được tài trợ bởi dự án WTI/SECO mã số: 04.2015/DHNT-QLDA-WTI/SECO

1. Đặt vấn đề

Theo thống kê năm 2015, Liên minh châu Âu (EU) là thị trường lớn thứ 4 của Việt Nam, sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc về mặt hàng gỗ.¹ Mối quan hệ giữa về kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và EU đã được nâng lên tầm cao mới khi Hiệp định tự do thương mại Việt Nam EU (EVFTA) được chính thức ký kết vào năm 2015. Đây là hiệp định có ý nghĩa tác động đến nền kinh tế của Việt Nam nói chung và ngành gỗ Việt Nam nói riêng bao gồm cả khía cạnh tích cực và tiêu cực. Một mặt, hiệp định này sẽ mang lại thuận lợi cho ngành công nghiệp gỗ Việt Nam khi thuế được giảm về 0%, thu hút nhiều nhà đầu tư của EU vào Việt Nam, giúp Việt Nam tăng cường vai trò và vị trí của mình trong thị trường gỗ toàn cầu nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của quốc gia. Nhưng mặt khác, vì Việt Nam đã ký kết VEFTA, nên ngành công nghiệp gỗ của Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức của việc mở cửa thị trường, đồng thời phải vượt qua những thách thức từ các rào cản phi thuế quan khi thâm nhập vào thị trường của EU. Chính vì vậy, bài viết này nhằm mục đích nhận dạng và phân tích những thuận lợi và khó khăn của ngành công nghiệp gỗ Việt Nam trước thềm hiệp định EVFTA, nhằm đưa ra những khuyến nghị và giải pháp cho các doanh nghiệp gỗ Việt Nam, chính phủ có được những thành công từ Hiệp định này.

2. Nội dung hiệp định EVFTA

Sau 14 vòng đàm phán, đến ngày 2/12/2015 EVFTA đã được chính thức ký kết với 18 chương với những nội dung chính về các vấn đề liên quan đến Thương mại hàng hóa (lời văn về quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), Quy tắc xuất xứ, Hải quan và thuận lợi hóa thương mại, Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), Thương mại dịch vụ (lời văn về quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), Đầu tư, Phòng vệ thương mại, Cạnh tranh, Doanh nghiệp nhà nước, Mua sắm của Chính phủ, Sở hữu trí

tuệ (gồm cả chỉ dẫn địa lý), Phát triển bền vững, Hợp tác và xây dựng năng lực, Pháp lý-thể chế. Hiệp định cũng bao gồm cách tiếp cận mới, tiến bộ hơn về bảo hộ đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư.

EU là một trong những thị trường khó tính, họ có những qui định chặt chẽ đối với gỗ và các sản phẩm về gỗ như sau:

- Nguồn gỗ hợp pháp: Yêu cầu pháp lý quan trọng nhất của EU đối với gỗ và các sản phẩm về gỗ đó là nguồn gốc hợp pháp.² Năm 2010 Nghị viện và Hội đồng châu Âu đã ban hành quy định số 995/2010 áp dụng các nghĩa vụ đối với những nhà hoạt động về gỗ và sản phẩm về gỗ. Từ ngày 3/3/2013, quy chế gỗ của EU có hiệu lực nhằm đối phó với vấn đề khai thác và thương mại bất hợp pháp gỗ và sản phẩm gỗ.

- Hóa chất trong gỗ: các sản phẩm gỗ ngoài trời thường sử dụng các chất như axit, thủy ngân và các chất bảo quản nhằm bảo vệ chúng khỏi mối và kéo dài tuổi thọ của sản phẩm. Tuy nhiên, EU cấm các sản phẩm gỗ sử dụng các chất này, ngoại trừ sử dụng trong công nghiệp dây truyền và đường ray tàu lửa. EU cũng cấm các gỗ có chứa vecni, sơn mài mà có thể gây ngộ độc.⁴

- Giấy chứng nhận: Quản lý rừng bền vững (FSC) và Chương trình chứng chỉ rừng Châu Âu (PEFC) là hai chứng chỉ chủ yếu mà thị trường EU yêu cầu.⁵ Theo đó giấy chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) là cơ chế để kiểm soát nguồn nguyên liệu từ rừng cho đến sản phẩm cuối cùng nhằm đảm bảo gỗ, sợi gỗ hoặc lâm sản có thể truy tìm lại giấy chứng chỉ rừng.

- Trách nhiệm xã hội: Nhà nhập khẩu Châu Âu muốn đảm bảo tính bền vững trong việc sử dụng nguồn gỗ, nhằm minh chứng cho trách nhiệm xã hội và hạn chế những rủi ro tối thiểu về rủi ro danh tiếng của họ trong kinh doanh.⁶ Những vấn đề như môi trường, quyền của chủ sở hữu, các khía cạnh về luật lao động và liên quan đến điều kiện sức khỏe và an toàn trong môi trường làm việc.

- Nhân sinh thái cho sản phẩm gỗ: Nhân sinh thái

không chỉ tập chung vào sự bền vững của tài nguyên mà còn tập chung vào các khía cạnh của sản phẩm như quá trình chế biến (tiêu thụ năng lượng, quản lý chất thải), đóng gói và sử dụng (sử dụng chất bảo quản). Rất nhiều nhân sinh thái được áp dụng đối với các sản phẩm ván sàn, phủ gỗ và đồ gỗ nội thất.

- Tiêu chuẩn chất lượng: các sản phẩm gỗ đặt ra đối với xây dựng có những yêu cầu như: thời gian sử dụng, bảo vệ môi trường, an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo quản nhiệt.

- Yêu cầu về nhãn mác: EU đã thông qua quy định nhằm kiểm soát dịch hại đối với đóng gói gỗ. Ký hiệu sử dụng cho các nguyên liệu dựa trên ký hiệu của Công ước bảo vệ trồng trọt quốc tế như sau:



- Quy định về đóng gói: không có quy định cụ thể nào về đóng gói được áp dụng ở Châu Âu. Tuy nhiên các biện pháp áp kiểm tra vệ sinh dịch tễ vẫn được áp dụng đối với sản phẩm gỗ, từ ngày 01/3/2005 tất cả các hộp, thùng, pallet, vật liệu chèn lót, các thanh gỗ đều phải đáp ứng những yêu cầu về xử lý nhiệt hoặc hun trùng bằng Methyl bromide trước khi vào thị trường EU và được đóng dấu quy cách, trừ ván dăm, ván ép, ván sợi hoặc tương tự thì không cần. Từ 1.1.2008 thì tất cả các vật liệu này cần phải có đầy đủ dấu của ISPM, bao gồm logo của IIPPC.

- Chứng từ nhập khẩu: hàng nhập khẩu phải đi kèm với các tờ khai hải quan, được nộp dưới dạng văn bản và hóa đơn thương mại kép. Hóa đơn thương mại phải chỉ được nước xuất xứ hàng hóa và nước bán hàng. Bên cạnh đó, giấy chứng nhận xuất xứ cũng sẽ được yêu cầu trong một số trường hợp.

3. Kịch bản dành cho ngành gỗ Việt Nam khi Hiệp định EVFTA được thực thi

Để đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA đối với ngành gỗ, tác giả áp dụng mô hình SMART do World Bank phát triển. Mô hình SMART là một công cụ thông tin về trao đổi hàng hóa và bảo hộ thuế quan thông qua các cơ sở dữ liệu có sẵn, cho phép tìm kiếm, khai thác và xuất dữ liệu. Mô hình SMART còn là một công cụ phân tích và mô phỏng để đánh giá kết quả của sự thay đổi về thuế quan.⁷

Hiện nay sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU theo mã HS là: 44⁸ và 94⁹. Do sản phẩm gỗ Việt có sự co giãn của cung theo giá và chịu tác động cạnh tranh so với các thị trường khác nên mô hình SMART ở đây được mô phỏng với 2 kịch bản:

- Kịch bản 1: FTA Việt Nam - EU ký kết thành công với việc cắt giảm thuế xuống 0% với tất cả các nhóm hàng nêu trên, độ co giãn cung bằng 99, co giãn thay

thế bằng 1,5 (heo mặc định của mô hình SMART)

- Kịch bản 2: Cả FTA Việt Nam — EU và FTA giữa EU với các thị trường gỗ cạnh tranh như Indonesia, Trung Quốc, Malaysia; Thái Lan và Brazil¹⁰ được ký kết (Tất cả các quốc gia đều nhận được ưu đãi 0% về thuế quan).

Sau khi chạy mô hình SMART thì cho ra kết quả như sau:

- Đối với kịch bản 1 để ra, bảng 1 cho thấy khi mức thuế được giảm bằng 0 thì sản phẩm với mã HS44 tăng 134.843 USD, tương đương với 0,155%; sản phẩm mã HS94 tăng 172,528 USD, tăng 0,0156%, Như vậy xuất khẩu của ngành gỗ sang thị trường EU sẽ tăng khoảng 0,0269%, đây là con số không nhiều, điều này được lý giải vì hầu hết các sản phẩm gỗ của chúng ta hiện này đã được hưởng mức thuế thấp, trong đó nhiều mặt hàng đã được hưởng thuế 0%.

Bảng 1. Tác động của EVFTA lên sản phẩm gỗ Việt Nam vào thị trường EU
Đơn vị: 1.000 USD

Mã HS	Tổng giá trị xuất khẩu	Mức thuế áp dụng (%)	Mức thuế theo FTA (%)	Nhu cầu co giãn nhập khẩu	Tác động của giá	Tăng trưởng thương mại
44	87400.79					134.843
441011	5.422	3.5	0	1.110107	0	0.48
441090	2.006	3.5	0	0.557968	0	0.139
441112	12.584	3.5	0	1.488003	0	1.269
441114	21.487	3.5	0	1.488003	0	2.178
441231	712.756	5.5	0	0.881423	0	87.649
441232	56.74	3.5	0	1.351164	0	5.412
441239	561.79	3.5	0	0.478907	0	37.403
441299	1.329	5.7	0	2.854866	0	0.313
94	1086145					172.528
940510	3270.312	0.218	0	1.080285	0	18.299
940520	3519.648	0.4	0	0.9671149	0	34.304
940540	7074.125	0.6667	0	1.003903	0	116.477
940560	367.413	0.24	0	0.5325665	0	1.776
940591	19.706	1.1	0	0.8598542	0	0.502
940592	100.138	0.6	0	0.4644265	0	1.169
Tổng	Giá trị thương mại ban đầu: 1.173.546					Giá trị tăng thêm 307.371

Nguồn: kết quả chạy mô hình SMART, dựa trên số liệu năm 2015

Trong khi đó, nếu mức thuế được áp dụng bằng 0%, thì ngành gỗ khẩu khẩu của EU vào thị trường Việt Nam sẽ tăng 21.446.420 USD, với mức tăng trưởng là 10.345%.

Bảng 2. Tác động của EVFTA đối với xuất khẩu sản phẩm gỗ của EU vào thị trường Việt Nam

Mã Sản phẩm	Kim ngạch XK trước FTA	Kim ngạch KX sau FTA	Thay đổi kim ngạch sau FTA
44	140704.3	141728.6	1024.311
94	66589.79	87011.88	20422.11
Tổng	207294.1	228740.5	21446.42

Nguồn: kết quả chạy mô hình SMART, dựa trên số liệu năm 2015

- Kết quả của kịch bản 2: Bảng 3 đã chỉ ra một kết quả ngạc nhiên khi tất cả các nước xuất khẩu cạnh tranh vào thị trường EU như Brazil, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia..., đều tăng giá trị xuất khẩu gỗ vào thị trường EU nếu các quốc gia này ký kết các Hiệp định thương mại tự do và thuế được đưa về 0%, chỉ duy nhất Việt Nam là giảm, điều này dường như cho thấy khả năng cạnh tranh và năng lực sản xuất

của sản phẩm gỗ của Việt Nam hiện tại là chưa cao so với các nước trên.

Bảng 3. Dự đoán tác động của FTA đối với các nước xuất khẩu vào EU
Đơn vị: 1000 USD

Quốc gia	Giá trị thương mại ban đầu	Giá trị thương mại tăng thêm	Tỷ lệ gia tăng (%)
Việt Nam	1173546	-4172.01	-0.35
Brazil	775165.4	25759.81	3.323
Trung Quốc	21079701	480400.9	2.278
Indonesia	1107145	24674.17	2.223
Ma-lai-xi-a	892172.5	37955.86	4.254
Thái Lan	286367.9	6960.216	2.430

Nguồn: kết quả mô hình SMART, dựa trên số liệu năm 2015

4. Cơ hội và thách thức của ngành gỗ Việt khi Hiệp định thương mại tự do VN-EU được ký kết

- Giảm thuế quan, tạo thuận lợi cho tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành gỗ Việt: Kết quả phân tích bằng mô hình SMART nói trên cho thấy EVFTA giúp cho kim ngạch xuất nhập khẩu của EU và Việt Nam đều gia tăng. Từ ngày 01/01/2014, Việt Nam đã được hưởng ưu đãi phổ cập (GSP) của EU đối với tất cả hàng hóa. Mặc dù được hưởng các dòng thuế ưu đãi nhưng một số mặt hàng gỗ của Việt Nam vẫn chịu thuế từ 3%-5,6% và GSP chỉ được xem xét trong từng giai đoạn. Bên cạnh đó, thì EU trong năm 2014 đã cấp ưu đãi GSP+ cho 10 quốc gia phát triển, đây là đối thủ cạnh tranh đối với Việt Nam trong việc thâm nhập thị trường EU. Chính vì vậy, việc ký kết EVFTA với những cam kết thuế quan mang tính lâu dài sẽ khác với GSP hay GSP+, sẽ tạo sự khác biệt cho Việt Nam so với các quốc gia khác.

- Cơ sở để ký kết thành công hiệp định đối tác tự nguyện VPA-FLEGT¹¹: VPA là hiệp định thương mại song phương cấp Chính phủ giữa EU và Việt Nam, theo đó hai bên thỏa thuận Việt Nam sẽ thiết lập hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp để xác minh và cấp phép FLEGT cho các chuyến hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu vào EU, nhằm tránh phải thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy chế gỗ của EU. Đây là Hiệp định quan trọng giúp cho Việt Nam có thể xuất khẩu gỗ vào EU mà không bị kiểm tra hoặc không phải đáp ứng thêm các yêu cầu khác về tính hợp pháp.

- Tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật: Ngành gỗ Việt Nam vốn nhập khẩu một lượng lớn máy móc hiện đại từ EU, do đó cắt giảm thuế sẽ tạo điều kiện cho ngành gỗ gia tăng việc nhập khẩu này. Bên cạnh đó, việc thực thi FTA và hiệp định VPA-FLEGT ngoài những mục đích về đảm bảo xây dựng và thực thi các quy trình pháp lý, hành chính, EU còn hỗ trợ Việt Nam trong việc thiết lập cơ sở vật chất và trang thiết bị sản xuất gỗ hiện đại để đáp ứng được mục tiêu mà cả hai hiệp định đề ra.

- Thu hút đầu tư: Một những cam kết tối quan trọng của EVFTA chính là việc mở cửa thương mại, thúc đẩy hoạt động đầu tư. Như vậy, các vấn đề về phân biệt đối xử và tín dụng quốc tế sẽ trở nên dễ dàng hơn đối

với các doanh nghiệp FDI. Ngoài ra, các cam kết FTA cũng đòi hỏi việc Việt Nam phải thay đổi khuôn khổ pháp lý theo hướng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm trong nước và thi hành pháp luật về môi trường và lao động một cách đầy đủ và hiệu quả. Điều này sẽ làm gia tăng sự quan tâm của các nhà đầu tư EU đầu tư vào Việt Nam khi các sản phẩm gỗ đến từ các doanh nghiệp FDI cũng sẽ được đảm bảo an toàn về mặt pháp lý và tính minh bạch.

- Tăng cường lợi thế cạnh tranh về giá: Việc cắt giảm thuế quan từ cả hai phía cũng như đầu tư chuyển giao công nghệ có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm được một lượng lớn chi phí sản xuất khi EU đồng thời cũng là nhà xuất khẩu nguyên liệu gỗ cho Việt Nam và ngược lại, hàng hóa của Việt Nam khi xuất sang thị trường EU cũng sẽ nhận được những ưu đãi đặc biệt. Ngoài ra, việc Việt Nam gia tăng pháp lý về bảo hộ sở hữu trí tuệ cũng như chứng nhận xuất xứ sau FTA là một lợi thế quan trọng để sản phẩm gỗ Việt cho thấy được chất lượng đạt tiêu chuẩn của mình.

Bên cạnh những thuận lợi trên thì việc ký kết EVFTA sẽ mang lại những thách thức của ngành gỗ Việt Nam như sau:

- Gia tăng sức ép về biện pháp phi thuế: Bên cạnh những cơ hội về việc dỡ bỏ các rào cản thương mại thì FTA cũng dẫn đến hệ lụy về việc gia tăng bảo hộ phi thuế quan trong khu vực. Điều này có thể làm gia tăng chi phí kiểm dịch và thông quan khi trên thực tế hầu hết các doanh nghiệp gỗ Việt Nam (đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) vẫn còn hoạt động thiếu chuyên nghiệp và kỹ thuật, thiếu nguồn nhân lực tay nghề cao, khâu quản lý còn máy móc, chưa đạt hiệu quả. Ngoài ra, một trong những rào cản đối với xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam là thiếu hụt nghiêm trọng nguồn gỗ có chứng chỉ phát triển rừng bền vững (FSC).

- Gia tăng sức ép về giá cả: Ngành gỗ Việt đang lệ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu nguyên liệu khi chúng ta đang nhập khẩu nguyên liệu gỗ từ 100 quốc gia và vùng lãnh thổ và rất ít trong số đó được chứng nhận xuất xứ rõ ràng. Nếu như EVFTA được thực thi và VPA-FLEGT được ký kết thì yêu cầu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang các nước thành viên EU phải có nguồn gốc hợp pháp. Khi đó, nếu thay đổi nguồn gỗ nhập khẩu sang những thị trường gỗ có chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ của gỗ sẽ có thể làm giá gỗ nguyên liệu tăng cao.

- Gia tăng sức ép cạnh tranh trong và ngoài nước:

+ Sức ép cạnh tranh trong nước: đối với ngành gỗ nói riêng, việc thực thi các quy tắc, luật pháp về rào cản kỹ thuật phi thuế quan hầu như chưa có hoặc nếu có cũng chỉ dừng lại trên mặt giấy tờ chứ chưa hề được thực thi một cách hiệu quả. Đây là một trong những điều kiện hết sức thuận lợi để các doanh nghiệp FDI tấn công vào thị trường gỗ Việt Nam chiếm

linh thị phần. Việt Nam hiện đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, do đó, trình độ công nghệ, quản trị kinh doanh, tiếp thị dịch vụ, mẫu mã sản phẩm... có khoảng cách rất lớn so với doanh nghiệp nước ngoài đặc biệt là các doanh nghiệp đến từ EU. Nếu Việt Nam cứ để khoảng cách như vậy sẽ thua thiệt nhiều, vì sản phẩm gỗ của doanh nghiệp FDI chắc chắn sẽ có chất lượng, giá thấp hơn, quản trị tốt hơn, do đó khi họ vào Việt Nam sẽ cạnh tranh với ngành gỗ nội địa.

+ Sức ép cạnh tranh trong thị trường xuất khẩu: Hiện nay, EU đang là mục tiêu tấn công của rất nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gỗ đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Ngoài một số lượng lớn thị phần rơi vào tay các nhà xuất khẩu gỗ Trung Quốc thì các doanh nghiệp khu vực Đông Nam Á và Nam Mỹ đang cạnh tranh khốc liệt chiếm lĩnh thị trường. Hiện tượng báo hòa thuế quan cũng là một điều đáng lo ngại khi việc thiết lập FTA với EU là một mục tiêu mà khá nhiều quốc gia xuất khẩu gỗ nói riêng và các quốc gia đang phát triển nói chung. Hiện tại, Thailand và Indonesia cũng tương tự như Việt Nam, đang trong quá trình đàm phán FTA với EU. Việc kí kết nhiều FTA cùng một lúc với cùng một đối tác có thể gây nên hiện tượng báo hòa thuế suất dẫn đến mất lợi thế cạnh tranh. Nếu không còn lợi thế cạnh tranh về thuế quan thì sản lượng xuất khẩu của Việt Nam vào EU sẽ giảm so với các nước cạnh tranh khác vì năng lực sản xuất của doanh nghiệp gỗ Việt còn yếu kém.

5. Kết luận

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, việc kí kết hiệp định thương mại tự do Việt Nam — EU (VEFTA) có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam nói chung và với ngành gỗ nói riêng. Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi do hiệp định mang lại thì cũng có những bất lợi và khó khăn có thể ảnh hưởng đến ngành gỗ Việt Nam. Vì vậy, để có thể tận dụng cơ hội và khắc phục thách thức, ngành gỗ cần có những giải pháp đồng bộ từ các cấp chính phủ, hiệp hội ngành hàng gỗ cho đến phía doanh nghiệp và các hộ dân trồng rừng. Cụ thể, Nhà nước cần có sự thay đổi chính sách về chuyển hướng cơ cấu sản phẩm, định hướng phát triển ngành bền vững cũng như hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp; Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam cần phát huy vai trò kết nối doanh nghiệp và Nhà nước, lắng nghe phản hồi và nắm bắt sát sao thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp để có thể đưa ra những kiến nghị đúng đắn về phương hướng đàm phán cũng như sửa đổi chính sách cho Nhà nước; về phía doanh nghiệp, cần phải phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội và Nhà nước để nắm bắt và áp dụng các chính sách mới một cách hiệu quả nhất, nhanh chóng tiếp thu khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, cải tạo quy trình sản xuất — quản lí, nâng cao chất lượng và tính đa dạng

sản phẩm để xây dựng và phát triển thương hiệu gỗ Việt trên thị trường thế giới./

Chú thích

1. Tổng cục thống kê, 2015
2. <https://www.cbi.eu/market-information/timber-products/buyer-requirements/>
3. Quy định này được áp dụng vào 3/3/2014.
4. http://ec.europa.eu/environment/gpp/eu_related_en.htm
5. <http://pefc.org/standards/chain-of-custody>, Chain of Custody Fair Trade and Timber, <http://www.just-forests.org/current-campaigns/fair-trade-and-timber>
6. International developments in trade in legal timber, <http://www.euflegt.efi.int/documents/10180/23025/All+you+need+to+know+about+the+US+Lacey+Act,%20the+EU+Timber+Regulation+and+the+Australian+Illegal+Logging+Prohibition+Act+2012/b30e8b52-f093-448d-be57-9ae7677259f1>,
7. Xem hướng dẫn mô hình SMART tại <http://wits.worldbank.org>
8. Gồm gỗ và các mặt hàng bằng gỗ và than gỗ.
9. Gồm đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nhỏ tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; các cấu kiện nhà lắp ghép.
11. Đây là những quốc gia có kim ngạch xuất khẩu vào thị trường châu Âu cao.
12. Viết tắt của Voluntary Partnership Agreement - Forest Law Enforcement, Governance and Trade; Hiệp định đối tác tự nguyện về "Tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và buôn bán gỗ".

Tài liệu tham khảo

1. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2015), Báo cáo Nghiên cứu "Hỗ trợ Hiệp hội thực hiện nghiên cứu chiến lược phát triển ngành chế biến gỗ"
2. Tô Xuân Phúc, Trần Lê Huy, Nguyễn Tôn Quyền (2014), Báo cáo "Tổng quan cung cầu gỗ tại Việt Nam: Thực trạng và xu hướng"
3. Global Wood (2015), Report from Europe. http://www.globalwood.org/market/timber_prices_2015/aaw20150202e.htm